

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/DS-PT

Ngày: 29-3-2024

V/v Tranh chấp Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Ngọc Giàu;

2. Ông Trần Tuấn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Thông báo hoãn ngày xét xử số 38/TB-TA ngày 18-3-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1970 và bà Võ Thị B, sinh năm 1970; cư trú tại: Số A, ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; cư trú tại: Số G đường T, Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 02-01-2024); có mặt.

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Chị Dương Trâm A, sinh năm 1997; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T, chị Trâm A1: Anh Nguyễn Công B1, sinh năm 1997; cư trú tại: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 14-8-2023 và ngày 21-9-2023); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2023, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B trình bày: Năm 2019, ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Dương Hoài V căn nhà và đất với giá 2.000.000.000 đồng, đã trả trước số tiền 1.500.000.000 đồng, còn nợ 500.000.000 đồng và hẹn khi làm giấy tại phòng công chứng thì trả đủ số tiền còn nợ. Khi chưa làm xong thủ tục, năm 2021 chị Dương Trâm A đến gặp ông bà để thỏa thuận xin chuộc lại nhà, đất với giá 2.000.000.000 đồng ông bà đồng ý, khoảng 06 tháng sau thì chị Trâm A1 đã giao cho vợ chồng ông trước số tiền 400.000.000 đồng, còn nợ lại 1.600.000.000 đồng và có làm giấy nợ xin để chuyển nhượng đất trả nợ, nhưng ông bà không đồng ý. Ông bà đã giao nhà, đất cho bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A và Dương Chí A2.

Ông H, bà B yêu cầu bà Trần Thị T, chị Dương Trâm A có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền còn nợ lại 1.600.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi. Ông bà đồng ý rút phần yêu cầu đối với Dương Chí A2 trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Nguyên nhân bà và chị Dương Trâm A ký giấy nợ với ông H, bà B là do trước đây giữa ông Vũ c bà và ông H có mua bán với nhau, ông V có nợ tiền ông H, bà B nhưng nợ thế nào bà không biết nên ông Vũ b nhà, đất cho ông H, bà B với giá 2.000.000.000 đồng, nhưng nhà này của mẹ chồng bà, nên muốn làm thủ tục sang tên thì các anh, chị, em của ông V ký tên mới chuyển nhượng được, do đó bà và chị Trâm A1 có đến gặp ông H, bà B để chuộc lại nhà đất với giá thỏa thuận 2.000.000.000 đồng, được ông H, bà B đồng ý, bà và chị Trâm A1 có trả cho ông H, bà B trước số tiền 400.000.000 đồng, còn nợ lại 1.600.000.000 đồng và hẹn khi nào chuyển nhượng đất đất sẽ trả ông H, bà B đồng ý, nên bà và chị Trâm A1 mới viết giấy nợ làm tin. Bà đồng ý trả số tiền 1.600.000.000 đồng với điều kiện khi nào chuyển nhượng đất được thì trả nợ cho ông H, bà B. Trường hợp ông H, bà B yêu cầu trả liền thì bà xin trả 1.100.000.000 đồng, còn số tiền lời 500.000.000 đồng bà không trả.

Người đại diện hợp pháp của bà T anh B1 trình bày: Bà T không đồng ý yêu cầu của ông H, bà B, và đề nghị đình chỉ vụ án do quan hệ tranh chấp là không phải hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, nguyên đơn chưa thực hiện nộp tạm ứng án phí trên số tiền nợ 1.600.000.000 đồng.

Bị đơn chị Dương Trâm A đồng ý với lời trình bày của bà T, anh B1 không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B đối với bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A.

Buộc bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B số tiền 1.600.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02-10-2023, bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A kháng cáo có cùng nội dung cho rằng, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không xem xét một cách khách quan; xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bà T và chị Trâm A1 yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GD hoặc sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án, vì chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà T, chị Trâm A1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng, người khởi kiện chưa đủ điều kiện khởi kiện theo pháp luật quy định, vì trước khi khởi kiện nguyên đơn không thông báo cho bị đơn biết trước; nguyên đơn chưa nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức hòa giải lại sau khi nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Dương Chí A2 và cũng không ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án phần rút yêu cầu này; Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt quyết định xét xử và giấy triệu tập đối với Dương Chí A2 khi xét xử vụ án. Với những vi phạm nghiêm trọng trên của cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết vụ án.

Trường hợp ông H, bà yêu cầu bà T, chị Trâm A1 trả tiền, thì bà T, chị Trâm A1 đồng ý trả số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền lãi trong thời hạn từ 10 đến 12 tháng.

Người đại diện hợp pháp của bà B tranh luận, trước khi khởi kiện ông H, bà B đã đòi tiền nhiều lần nhưng bà T, chị Trâm A1 hứa hẹn nhưng không trả, kéo dài thời gian nên ông H, bà B mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án; việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Dương Chí A2 không cùng bà T và chị Trâm A1 trả nợ, là giúp cho Chí A2 có thời gian đi học, không phải đi lại Tòa

án nhiều lần trong thời gian giải quyết vụ án; bà T, chị Trâm A1, Chí A2 là mẹ con, sinh sống cùng nhà, do đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không gây thiệt hại gì đến quyền lợi đối với Chí A2. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông H, bà B thống nhất với tranh luận của bà L, không bổ sung ý kiến tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những nội dung bị đơn nêu ra không làm thay đổi nội dung vụ án và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự, nên không có căn cứ hủy án sơ thẩm.

+ Năm 2019, ông H, bà B nhận chuyển nhượng của ông Dương Hoài V (chồng bà T) căn nhà và đất với giá 2.000.000.000 đồng, trả trước 1.500.000.000 đồng và chưa làm thủ tục sang tên, năm 2021 chị Dương Trâm A là con ông V đến gặp ông H, bà B thỏa thuận chuộc lại nhà, đất với giá 2.000.000.000 đồng, trả trước 400.000.000 đồng, còn nợ 1.600.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ được bà T và chị A thừa nhận, đến nay vẫn chưa thanh toán; bà T, chị Trâm A1 đồng ý trả 1.600.000.000 đồng với điều kiện khi nào chuyển nhượng được đất, nhưng nếu nguyên đơn yêu cầu trả liền thì bà T, chị Trâm A1 xin trả 1.100.000.000 đồng. Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A kháng cáo đảm bảo về thủ tục, trong thời hạn quy định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về gửi hồ sơ vụ án: Tại Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm*

trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày: 1. Hết thời hạn kháng nghị; 2. Hết thời hạn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn kháng nghị “...của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án” Bản án dân sự sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 22-9-2023; ngày 02-10-2023, bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A kháng cáo và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cùng ngày 03-10-2023. Theo quy định, hồ sơ kháng cáo được chuyển chậm nhất ngày 27-10-2023, nhưng đến ngày 17-01-2024, Tòa án cấp sơ thẩm mới chuyển hồ sơ kháng cáo cho cấp phúc thẩm là vi phạm về thời gian gửi hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Năm 2020, ông Dương Hoài V (là chồng của bà T, cha chị Trâm A1) chuyển nhượng cho ông H, bà B căn nhà và phần đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G với giá 2.000.000.000 đồng, ông V đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng, còn nợ 500.000.000 đồng và thỏa thuận khi làm thủ tục sang tên thì ông H, bà B giao số tiền còn lại, nhưng nhà, đất là tài sản của cụ T1, mẹ của ông V nên không làm thủ tục chuyển nhượng được do anh, em ông V không đồng ý. Do đó, bà T và chị Trâm A1 thỏa thuận xin chuộc lại nhà, đất với giá 2.000.000.000 đồng được ông H, bà B đồng ý, bà T và chị Trâm A1 đã trả được số tiền 400.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T cùng 02 con là chị Trâm A1 và Chí A2 ký tên vào “Giấy nợ tiền” thỏa thuận, có nội dung: “Ba mẹ con chúng tôi Trần Thị T, Dương Trâm A, Dương Chí A2 vào tháng 02-2022 có nợ tiền của vợ chồng Đoàn Văn H, sinh năm 1970 và vợ Võ Thị B, sinh năm 1970 ngụ tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh số tiền 1.600.000.000 đồng. Nay ba mẹ con chúng tôi làm giấy nợ và chấp nhận trả số tiền nêu trên cho vợ chồng ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B”.

[3] Xét “Giấy nợ tiền” không hẹn thời gian trả và cũng không có nội dung nào thỏa thuận như bà T, chị Trâm A1 trình bày khi nào chuyển nhượng được đất sẽ trả số tiền còn lại. Do thời gian kéo dài, nhưng không trả tiền nên ông H, bà B nhiều lần đến đòi tiền nhưng bà T, chị Trâm A1 hẹn mà không thực hiện, do đó ngày 14-6-2023 ông H, bà B làm khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà T và chị Trâm A1 trả số tiền còn nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà T, chị Trâm A1 trả cho ông H, bà B số tiền 1.600.000.000 đồng là có căn cứ. Việc ông H, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Dương Chí A2 không cùng nghĩa vụ trả số tiền nợ 1.600.000.000 đồng là tự nguyện, số tiền 1.600.000.000 đồng đã buộc bà T và chị Trâm A1 trả, nên ông H, bà B không được quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút đối với Dương Chí A2.

[4] Bà T, chị Trâm A1 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xét xử không khách quan, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và yêu cầu cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm,

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, chị Trâm A1 là có căn cứ, được chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của bà T, chị Trâm A1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà T, chị Trâm A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B về “Tranh chấp Đòi lại tài sản” đối với bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A.

Buộc bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông H, bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T và chị Trâm A1 chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bà T và chị Trâm A1 còn phải trả cho ông H, bà B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ phần rút lại yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B đối với Dương Chí A2 về việc cùng có nghĩa vụ với bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A trả tiền cho ông, bà.

Ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B không có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút đối với Dương Chí A2.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A phải chịu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Đoàn Văn H và bà Võ Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông H, bà B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025698, ngày 18-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T và chị Dương Trâm A mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025821, ngày 03-10-2023 và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Trâm A1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025822, ngày 03-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Bà T, chị Trâm A1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ